TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P,** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 157/2025/DS-ST

Ngày: 23 – 6 – 2025

V/v tranh chấp về hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên toà: ông Nguyễn Thái Ngọc là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang *tham gia phiên tòa*: ông Trương Minh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S có ngay.

Địa chỉ trụ sở: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Ngọc T – Nhân viên Công ty Cổ phần S có ngay (Giấy ủy quyền số 989/2025/UQ-SVN ngày 15/5/2025), *có mặt.*

Địa chỉ liên hệ: Số B Quốc lộ I, khóm V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0986 292 974.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1996, *(vắng mặt).*

Nơi thường trú: tổ G, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2024 của nguyên đơn là Công ty Cổ phần S có ngay và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Ngày 01 tháng 9 năm 2022 Công ty Cổ phần S có ngay – chi nhánh A - TP C (tên cũ là Chi nhánh C – Công ty TNHH S1). Sau đây viết tắt là Công ty) và ông Nguyễn Việt H (là bị đơn) ký Hợp đồng cầm cố số CDM220901001NA20X, tài sản cầm cố 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda, loại Air Blade, biển số 67K1-901.27, số khung RLHJF6337LZ036926, số máy JF94E0089835, màu sơn bạc xanh đen theo giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 67 000248 do Công an xã H cấp ngày 18/8/2022 cho ông Nguyễn Việt H đứng tên chủ xe, Công ty đang giữ giấy xe này. Việc cầm cố trên được đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội và được cấp Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 07/9/2022.

Số tiền cầm cố 22.000.000 đồng; thời hạn cầm cố: 12 tháng tính từ ngày giải ngân 01/9/2022, đến hạn ngày 01/9/2023; mục đích cầm cố: phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; lãi suất: 1.1%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; các loại phí: phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng, phí phạt vi phạm không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng.

Ngày 01/9/2022 Công ty giải ngân cho ông H bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản của ông H số 0481000866096 tại Ngân hàng V – chi nhánh C, theo Phiếu thu ngày 01/9/2022.

Phương thức trả nợ gốc và lãi theo định kỳ hằng tháng, mỗi tháng trả 2.029.545,24, trả vào ngày 01, kỳ trả gốc và lãi đầu tiên vào tháng 10/2022.

Cùng ngày 01/9/2022 Công ty cho ông H mượn lại xe cầm cố theo Giấy mượn xe số CDM220901001NA20X, thời hạn mượn là 30 ngày từ ngày 01/9/2022 đến ngày 01/10/2022, trả phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 462.000 đồng/tháng.

Từ lúc ký Giấy mượn xe đến hạn một tháng ông H không trả xe lại. Hiện tại Công ty không biết ông H còn giữ xe cầm cố hay không và lưu giữ ở đâu.

Sau khi cầm cố ông H không trả tiền gốc và cũng không trả tiền lãi, đến nay đã hết thời hạn cầm cố, tính đến ngày 19/10/2024 (ngày khởi kiện) ông H còn nợ tổng cộng 48.038.833 đồng, trong đó tiền gốc 22.000.000 đồng, lãi trong hạn 6.283.933 đồng, lãi quá hạn 3.141.967 đồng, phí quản lý hồ sơ 2.856.333 đồng, phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 8% trên dư nợ thực tế 1.760.000 đồng, tiền phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 11.996.600 đồng.

Ngày 15/5/2025 và tại phiên tòa chị T (đại diện nguyên đơn) xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền 16.612.933 đồng, trong đó phí quản lý hồ sơ 2.856.333 đồng, phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 8% trên dư nợ thực tế 1.760.000 đồng, tiền phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 11.996.600 đồng , vì các phí trên không phù hợp với quy định của pháp luật.

Do ông H vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, nên Công ty yêu cầu ông H phải trả số tiền gốc 22.000.000 đồng, tiền lãi 9.425.900 đồng (lãi trong hạn 6.283.933, lãi quá hạn 3.141.967 đồng), cộng chung tiền gốc và tiền lãi 31.425.900 đồng. Tiếp tục tính tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 20/10/2024 đến khi trả đủ tiền gốc theo Hợp đồng cầm cố số CDM220901001NA20X ngày 01/9/2022.

Trường hợp ông H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên Công ty có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cầm cố không đủ nợ thì ông H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Công ty.

- Ông Nguyễn Việt H (là bị đơn) đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc, không có người đại diện tham gia tố tụng và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn được triệu tập lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên xét xử vắng mặt là có căn cứ.

Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty Cổ phần S có ngay, buộc ông Nguyễn Việt H trả cho Công ty số tiền gốc 22.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 6.283.933, lãi quá hạn 3.141.967 đồng, tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 20/10/2024 đến khi trả đủ nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố; bị đơn không thực hiện trả nợ, Công ty được quyền yêu cầu phát mãi tài sản để thu hồi nợ; về án phí, bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Công ty Cổ phần S có ngay khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Việt H trả tiền cầm cố tài sản, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Nguyễn Việt H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[1.3] Đối với yêu cầu của Công ty, mặc dù tại các đơn khởi kiện Công ty đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Việt H trả 48.038.833 đồng tiền cầm

cố tài sản, nhưng tại phiên tòa Chị T (đại diện Công ty) xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền 16.612.933 đồng, chỉ còn yêu cầu ông H trả số tiền 31.425.900 đồng và tiền lãi phát sinh. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty về số tiền 16.612.933 đồng; sau này Công ty được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật. Công ty không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn thanh toán tiền cầm cố tài sản gốc và lãi 31.425.900 đồng, trong đó tiền gốc 22.000.000 đồng, tiền lãi 9.425.900 (tạm tính đến ngày 19/10/2024) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố số CDM220901001NA20X ngày 01/9/2022 cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa bị đơn vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản phản đối yêu cầu trên của nguyên đơn. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định *" Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Như vậy, ông H đã cầm cố tài sản cho Công ty theo Hợp đồng cầm cố số CDM220901001NA20X ngày 01/9/2022 giữa Công ty và ông H và hiện nay ông H còn nợ số tiền trên là có thật.

[2.2] Do ông H vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, nên Công ty yêu cầu ông H trả tiền gốc và tiền lãi tổng cộng 31.425.900 đồng, trong đó tiền gốc 22.000.000 đồng, tiền lãi 9.425.900 (tạm tính đến ngày 19/10/2024) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố là có căn cứ.

[2.3] Hợp đồng cầm cố số CDM220901001NA20X ngày 01/9/2022 giữa Công ty và ông H được đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội và được cấp Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 07/9/2022. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hợp đồng cầm cố có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Do đó, Hợp đồng cầm cố trên có hiệu lực pháp luật từ thời điểm hai bên ký kết hợp đồng.

[2.6] Từ nhận định trên, căn cứ Điều 309, khoản 2 Điều 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, buộc ông H có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền 31.425.900 đồng, trong đó tiền gốc 22.000.000 đồng, tiền lãi 9.425.900 (tạm tính đến ngày 19/10/2024); tiếp tục tính tiền lãi phát sinh trên nợ gốc từ ngày 20/10/2024 đến khi thanh toán đủ nợ theo Hợp đồng cầm cố. Nếu bị đơn không trả đủ số tiền nêu trên thì Công ty được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố để thu hồi nợ theo Hợp đồng số CDM220901001NA20X ngày 01/9/2022 giữa Công ty và ông H. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cầm cố không đủ nợ thì ông H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Công ty. Khi ông H trả đủ nợ, Công ty phải trả lại cho ông H giấy

Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 67 000248 do Công an xã H cấp ngày 18/8/2022 cho ông Nguyễn Việt H đứng tên chủ xe.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ, bị đơn là ông H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 309, khoản 2 Điều 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền 16.612.933 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S có ngay và người đại diện hợp pháp của Công ty là chị Nguyễn Thị Ngọc T.

- Buộc ông Nguyễn Việt H phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S có ngay số tiền gốc 22.000.000 đồng, tiền lãi 9.425.900 (tạm tính đến ngày 19/10/2024), cộng chung 31.425.900 đồng *(bằng chữ: ba mươi mốt triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm đồng).*

- Kể từ ngày 20/10/2024 đến khi thi hành án xong, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố số CDM220901001NA20X ngày 01/9/2022 giữa Công ty cổ phần S có ngay – chi nhánh A - TP C (tên cũ là Chi nhánh C – Công ty TNHH S1) và ông Nguyễn Việt H.

- Nếu ông Nguyễn Việt H không trả đủ số tiền nêu trên thì Công ty được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố để thu hồi nợ theo Hợp đồng cầm cố số CDM220901001NA20X ngày 01/9/2022 giữa Công ty cổ phần S có ngay – chi nhánh A - TP C (tên cũ là Chi nhánh C – Công ty TNHH S1) và ông Nguyễn Việt H. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cầm cố không đủ nợ thì ông H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Công ty.

- Khi ông H trả đủ nợ, Công ty phải trả lại cho ông H giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 67 000248 do Công an xã H cấp ngày 18/8/2022 cho ông Nguyễn Việt H đứng tên chủ xe.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Việt H phải chịu 1.570.000đ đồng.

- Hoàn trả 1.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho Công ty cổ phần S có ngay theo biên lai thu tiền số 0011729 ngày 30/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

3. Công ty cổ phần S có ngay có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Việt H vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- Lưu.

Hồ Thị Kim Phương